TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **36**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 02 - 2026
"*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Nguỵ Thế Xuân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Bình.
2. Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đinh Thị Quyên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 149/2025/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/01/2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Võ Thị H – sinh năm 1997.
Số CCCD: 066197017844, Bộ C cấp ngày 02/01/2025.
Địa chỉ: Đ, thôn S, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã D, tỉnh Đắk Lắk) – có mặt.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Thành V – sinh năm 1996.
Số CCCD: 051096016275, Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 06/9/2021.
Địa chỉ: Ki ốt A T, tổ dân phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk) – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày*:

Tôi và ông Nguyễn Thành V kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 25/12/2019 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã D, tỉnh Đắk Lắk).

Về mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng về quan điểm sống, liên tục có những xung đột, tinh thần không còn thoải mái. Cả hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và bất đồng về quan điểm với nhau về mọi vấn đề trong cuộc sống. Do đó không khí gia đình luôn căng thẳng và áp lực. Mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần hoà giải nhưng chúng tôi vẫn không tìm được tiếng nói chung. Tôi cảm thấy không thể chung sống với ông V được nữa. Do đó tôi và con đã về nhà mẹ đẻ và ly thân với ông V từ tháng 12/2024.

Hiện nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay tôi làm đơn này gửi đến Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông V.

Về con chung: Tôi và ông V có 01 con chung là cháu Nguyễn Võ Kiều V1 – sinh ngày 29/4/2020. Tôi hiện nay là người đang trực tiếp và nuôi dưỡng con, cháu đang ăn học và sinh sống ổn định cùng tôi và bố mẹ tôi từ tháng 12/20024 đến nay tại đội A, thôn S, xã D, tỉnh Đắk Lắk. Do đó nguyện vọng của tôi là được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu V1 đến tuổi trưởng thành. Tôi không yêu cầu ông V cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn ông Nguyễn Thành V trình bày:*

Tôi và bà Võ Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 25/12/2019 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã D, tỉnh Đắk Lắk).

Về mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng về quan điểm sống, vợ nhắn tin qua lại có tình cảm với người đàn ông khác ngày 09/12/2024 tôi phát hiện vợ tôi có tình cảm với người đàn ông khác chúng tôi cãi nhau thì sáng ngày 10/12/2024 vợ tôi bỏ nhà mang theo đồ đạc tư trang dẫn con gái tôi là cháu nguyễn Võ Kiều V1 đi khỏi nhà. Tới ngày 12/12/2024 gia đình nhà ngoại mới tìm ra và đưa cháu về nhà ngoại tại đội 1, thôn S, xã D, tỉnh Đắk Lắk.

Tình trạng hôn nhân: Tôi xét thấy vợ tôi không chung thuỷ với tôi và tôi cũng không còn tình cảm với vợ tôi nữa, tình cảm vợ chồng không cải thiện được.

Tôi có vào thăm cháu mấy lần xin đưa cháu về để tiếp tục đi học tại trường mầm non H2 nhưng gia đình nhà ngoại cháu không cho tôi đón cháu về.

Nguyện vọng của tôi: nay để đảm bảo quyền lợi cho con ăn học xin được nuôi con, điều kiện thuận lợi cho cháu học tập ở phố, môi trường học hành, dạy bảo chăm lo cho cháu tốt hôn, đưa đón thuận lợi, ăn uống đầy đủ hơn. Điều kiện và chỗ

ở tốt hơn. Còn để vợ nuôi cháu gửi ông bà chăm nuôi thì tôi không tin tưởng vì điều kiện trong Buôn không được đầy đủ và nuôi dạy không nên người.

Nay nguyện vọng của tôi nếu đồng ý cho tôi nuôi con gái thì tôi đồng ý ly hôn. Còn không đồng ý, dành quyền nuôi con thì tôi không ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn Võ Kiều V1 – sinh ngày 29/4/2020, nguyện vọng của tôi xin được nuôi dưỡng cháu V1 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Võ Thị H được ly hôn ông Nguyễn Thành V.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Võ Kiều V1 – sinh ngày 29/4/2020 cho bà Võ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn bà Võ Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Võ Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Thành V, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị H và ông Nguyễn Thành V đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã D, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 25/12/2019, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm sống nên giữa bà Võ Thị H và ông Nguyễn Thành V

xảy ra mâu thuẫn. Tại phiên tòa, bà Võ Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Thành V.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Võ Thị H và ông Nguyễn Thành V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc bà H yêu cầu ly hôn với ông V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Bà Võ Thị H và ông Nguyễn Thành V có 01 con chung là cháu Nguyễn Võ Kiều V1 – sinh ngày 29/4/2020. Bà Võ Thị H và ông Nguyễn Thành V đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Võ Kiều V1. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu V1 đang ở với bà H và bà H đủ điều kiện để chăm sóc cho cháu V1. Do đó vì quyền lợi cũng như đảm bảo sự phát triển ổn định tâm sinh lý của trẻ, cần giao cháu Nguyễn Võ Kiều V1 cho bà Võ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ông Nguyễn Thành V được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị H và ông Nguyễn Thành V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Võ Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình*;*

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thi H1 được ly hôn với ông Nguyễn Thành V.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Võ Kiều V1 - sinh ngày 29/4/2020 cho bà Võ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Nguyễn Thành V được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Võ Thị H và ông Nguyễn Thành V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị H và ông Nguyễn Thành V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Võ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0001533 ngày 06 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lăk;
- VKSND khu vực 1 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngụy Thế Xuân